

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-PT
Ngày 28 tháng 02 năm 2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Nguyễn Quốc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B kết hôn ngày 07/9/2005, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 6 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không đồng nhất về quan điểm nuôi dạy con chung.

Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2011 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Nguyễn Văn B đồng ý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B đều xác định vợ chồng có hai con chung gồm: Cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 01/11/2008, mất ngày 25/6/2009; cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 30/3/2010; Hiện cháu Tuấn A đang ở với chị T. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có quan điểm giao cháu Nguyễn Tuấn A cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Chị T và anh B đều xác định vợ chồng không có con riêng.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 30/3/2010 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn buộc đương sự phải chịu án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2021, chị Nguyễn Thị T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại do vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết anh B đang sống chung với người khác như vợ chồng; xem xét tình tiết anh B bỏ đi mất tích không nuôi con chung và đề nghị xem xét tài sản chung của vợ chồng.

Quan điểm của anh Nguyễn Văn B tại cấp phúc thẩm đề nghị giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T; giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị T trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 07/9/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 6 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không đồng nhất về quan điểm nuôi dạy con chung. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2011 đến nay, không quan tâm đến nhau. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 30/3/2010 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình. Các Quyết định này không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn (Chị Nguyễn Thị T) về việc đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân với lý do cấp sơ thẩm không xem xét đến tài sản chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Tại đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết về tình cảm, con chung, tài sản chung và công nợ. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/8/2021, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị T và chị T có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và giao chị T nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị T xác định vợ chồng có xây dựng 01 nhà mái bằng trên đất của gia đình chồng, trị giá khoảng 300.000.000 đồng; về công nợ vợ chồng nợ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị M (Bố mẹ đẻ chị T) số tiền 75.000.000 đồng, nợ anh Nguyễn Văn P (Em chồng) số tiền 20.000.000 đồng và nợ chị Nguyễn Thị H (Chị chồng) số tiền 5.000.000 đồng. Đồng thời, chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết phần tài sản chung và phần công nợ của vợ chồng. Tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn (Anh Nguyễn Văn B) ngày 26/10/2021, anh B có quan điểm không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án giải quyết về hôn nhân và con chung. Riêng tài sản chung, công nợ, các vấn đề khác đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định của pháp luật, nếu một trong các đương sự có nguyện vọng thì làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác, vẫn đảm bảo được quyền lợi của các bên đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T đề nghị xem xét tình tiết anh B đang sống chung với người khác như vợ chồng; Hội đồng xét xử thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không thể hiện việc anh B chung sống với người khác như vợ chồng và chị T không xuất trình căn cứ để chứng minh. Do vậy, không có căn cứ để xem xét trong vụ án này. Việc anh B bỏ nhà không nuôi con như chị T đề nghị là thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và đã được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo đúng quy định.

Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Nguyễn Thị T.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia

định sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 51, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 30/3/2010 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, đối trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2010/0003917 ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ).

5. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, đối trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2021/0001017 ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- UBND xã H, huyện Lý Nhân;
- Các đương sự;
- Lưu HS; TDS; Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy